

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 3 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Bùi Đức Khoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 932/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Trịnh Văn R, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Đ, T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Lê Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị kết hôn với anh Trịnh Văn R trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 10 năm 2015. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh R tại thôn Đ, T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh R nghi ngờ chị T không chung thủy, vợ chồng hay cãi mắng lẫn nhau. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh R tìm gọi nên chị T

có quay về chung sống cùng anh R nhưng cuộc sống chung của chị T và anh R vẫn không hòa thuận, thường xuyên mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Anh R và mẹ đẻ anh R đã đuổi chị T ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trịnh Văn R. Chị và anh R có hai con chung tên Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017. Hiện nay, các con chung đang ở cùng anh R. Khi ly hôn, chị T đề nghị để anh R tiếp tục nuôi dưỡng các con. Chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị và anh R không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa, anh Trịnh Văn R trình bày, thống nhất với chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, vợ chồng đã cố gắng chung sống nhưng chị T vẫn không thay đổi. Nay, chị T xin ly hôn, quan điểm của anh R là đồng ý ly hôn. Về con chung, anh R có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung tên Trịnh Văn C và Trịnh Văn H. Anh R đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn R; đề nghị giao các con Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017 cho anh Trịnh Văn R trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con tên Trịnh Văn C, Trịnh Văn H, mỗi con là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được bắt đầu thực hiện từ tháng 3 năm 2021. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về yêu cầu của chị Lê Thị T ly hôn với anh Trịnh Văn R

Chị T và anh R kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết hôn giữa chị T và anh R là hợp pháp. Tài liệu xác minh tại gia đình anh R và tại Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang thể hiện chị T và anh R đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong sinh hoạt, cuộc sống chung kinh tế khó khăn nhưng không có sự chia sẻ và thông cảm cho nhau. Mặt khác, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi mắng xúc phạm lẫn nhau. Gia đình đã động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T xin ly hôn, anh R có quan điểm đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy, giữa chị T và anh R không còn sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không sống chung cùng với nhau, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh R.

[2] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị T và anh R có 02 con chung tên Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017. Khi ly hôn, chị T đề nghị để anh R được trực tiếp nuôi các con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh R là người trực tiếp nuôi các con; việc ăn ở và học tập đã ổn định, con chung được chăm sóc, phát triển bình thường về tâm sinh lý. Chị T và anh R đều có quan điểm thống nhất để anh R trực tiếp nuôi dưỡng các con trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện, hoàn cảnh của chị T, của anh R, Hội đồng xét xử xét giao cho anh Trịnh Văn R trực tiếp nuôi các con tên Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017 là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Qua xem xét tài liệu chứng minh thu nhập thể hiện, chị T hiện đang là công nhân tại Công ty TNHH Jugin Việt Nam, thuộc khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, với mức lương là 5.034.000 đồng/tháng. Chị T và anh R có lời khai thể hiện thống nhất chị T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập của các bên và nhu cầu thiết yếu của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh R về mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T phải thực hiện là 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung. Về phương thức cấp dưỡng, chị T thực hiện định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3 năm 2021, là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con.

[3] Về tài sản chung, chị Lê Thị T và anh Trịnh Văn R thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[4] Về án phí, chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trịnh Văn R.

- Giao cho anh Trịnh Văn R trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi các con Trịnh Văn C, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 và Trịnh Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2017, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con được bắt đầu từ tháng 03 năm 2021. Kể từ ngày anh Trịnh Văn R có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Lê Thị T chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ. Cộng bằng 600.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0015633 ngày 18/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Lê Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

- Chị Lê Thị T, anh Trịnh Văn R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Kênh Giang, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**